

THÔNG TƯ số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Thi hành Điều 13 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm; sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước;
- Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Đối với các doanh nghiệp liên doanh được thành lập trên cơ sở các Hiệp định ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước ngoài, nếu Hiệp định có các quy định về trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm khác với hướng dẫn tại Thông tư này, thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

2. Mức trích lập Quỹ:

Mức trích Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

Mức trích cụ thể do doanh nghiệp tự quyết định tùy vào khả năng tài chính của doanh nghiệp hàng năm.

Khoản trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ của doanh nghiệp.

3. Thời điểm trích lập Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm là thời điểm khóa sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính năm.

4. Quản lý và sử dụng Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm:

a) Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm.

b) Nếu Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm hàng năm không chi hết được chuyển số dư sang năm sau.

c) Trường hợp Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm tài chính thì toàn bộ phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

d) Doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích và báo cáo việc sử dụng quỹ tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hàng năm bao gồm các chỉ tiêu: tổng số chi trợ cấp, số người được trợ cấp và số trích Quỹ dự phòng trong năm.

5. Số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm trước đây trích lập từ lợi nhuận sau thuế (quy định tại Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07/6/1999 của Bộ Tài chính và Thông tư số 58/2002/TT-BTC ngày 28/6/2002 của Bộ Tài chính) được tiếp tục quản lý và sử dụng theo quy định tại Thông tư này.

6. Hạch toán kế toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm:

a) Khi trích lập Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 3353 - Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm

b) Khi chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động, ghi:

Nợ TK 3353 - Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm

Có các TK 111, 112

c) Trường hợp Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm tài chính, thì phân chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ, khi chi ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có các TK 111, 112

d) Chuyển số dư của Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm quy định tại mục 5 Thông tư này như sau:

Nợ TK 416 - Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm

Có TK 3353 - Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm.

7. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Thay thế điểm 6.3 khoản 6 Mục B, và khoản 3 Mục C Phần II Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07/6/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận sau thuế và quản lý các quỹ trong các doanh nghiệp nhà nước và khoản 4 Mục C Phần II Thông tư số 58/2002/TT-BTC ngày 28/6/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu

có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 06/2003/TT-BTM ngày 15/8/2003 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Quản lý chợ.

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 95/CP ngày 04 tháng 12 năm 1993 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 về phát triển và quản lý chợ;

Sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ (Công văn số 1717/BNV-TCBC của Bộ Nội vụ ngày 25 tháng 7 năm 2003), Bộ Thương mại hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Quản lý chợ, như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với các Ban Quản